

Đông Giang, ngày 08 tháng 01 năm 2019

Số: 01/2019/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG GIANG, TỈNH QUẢNG NAM

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Huỳnh Quang.

Thư ký phiên họp: Ông Mạc Văn Hình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên họp: Bà Nguyễn Thị Y Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Giang, tỉnh Quảng Nam mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 38/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2018 về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 01/2018/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2018, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông BRúu B.
2. Bà Zơ Râm Thị X.

Cùng địa chỉ nơi cư trú: Thôn A, xã A, huyện T, tỉnh Quảng Nam. (ông B, bà X có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Địa chỉ: Thôn C, xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện: Ông C – Chủ tịch UBND xã (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, người yêu cầu là ông B và bà Zơ Râm Thị X trình bày:

Ngày 19/9/2005, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam một cách tự nguyện. Lúc đăng ký kết hôn ông, bà không mang theo giấy tờ tùy thân để làm thủ tục đăng ký kết hôn mà chỉ khai bằng miệng nên sai sót về năm sinh của bà X. Bà X sinh năm 1989 nhưng lại khai là năm 1982. Tại thời điểm đăng ký kết hôn bà X mới đủ 16 tuổi cho nên vi phạm về độ tuổi kết hôn. Nay ông bà đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đ hủy việc kết hôn trái pháp luật.

Về con chung: ông B, bà X có 03 con chung là BRúu Thị Bích L, sinh ngày 13/7/2005; BRúu Thị L, sinh ngày 28/7/2009 và BRúu L, sinh ngày 13/3/2012. Sau khi hủy hôn nhân trái pháp luật ông B, bà X thống nhất thỏa thuận ông B tiếp tục nuôi dưỡng BRúu Thị Bích L và BRúu Thị L; bà X tiếp tục nuôi dưỡng BRúu L. Ông B, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên họp ông B và bà X thỏa thuận như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Giữ nguyên yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật.
- Về con chung: Ông B tiếp tục nuôi dưỡng BRúu Thị L; bà X tiếp tục nuôi dưỡng BRúu Thị Bích L và BRúu L. Ông B, bà X không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của các đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện Đông Giang nhận định:

[1] Tại thời điểm đăng ký kết hôn ngày 19/9/2005, bà X mới 16 tuổi 03 tháng 04 ngày (bà X sinh ngày 15/6/1989) nên bà X không đủ tuổi đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Vì vậy việc bà X đăng ký kết hôn với ông B tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam vào ngày 19/9/2005 là việc kết hôn trái pháp luật do vi phạm điều kiện về độ tuổi kết hôn. Nay ông, bà cùng yêu cầu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật là sự tự nguyện và phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Ông B và bà X đều xác định ông bà có 03 con chung là BRúu Thị Bích L, sinh ngày 13/7/2005; BRúu Thị L, sinh ngày 28/7/2009; BRúu L, sinh ngày 13/3/2012. Khi hủy kết hôn trái pháp luật, hai bên thống nhất thỏa thuận ông B tiếp tục nuôi dưỡng BRúu Thị L; bà X tiếp tục nuôi dưỡng BRúu Thị Bích L và BRúu L. Thỏa thuận trên phù hợp với nguyện vọng của các con. Do đó, cần giao

BRúu Thị L cho ông B nuôi dưỡng; giao BRúu Thị Bích L và BRúu L cho bà X nuôi dưỡng là phù hợp. Về cấp dưỡng nuôi con, ông B và bà X không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về nợ chung: Không có; về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[4] Đại diện UBND xã S xin giải quyết vắng mặt nên cần xem xét theo quy định tại Điều 367 của BLTTDS.

[5] Về lệ phí: Ông B, bà X là hộ nghèo và có đơn xin miễn nộp tiền lệ phí nên được miễn toàn bộ tiền lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 29 và các Điều 367, 370, 371, 372 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 6 Điều 3 và các Điều 10, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 2 Điều 12 và Điều 14 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Chấp nhận yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật của ông BRúu B và bà Zơ Râm Thị X.

2. Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa ông BRúu B và bà Zơ Râm Thị X theo giấy chứng nhận kết hôn số 05 quyển số 01 ngày 19/9/2005 của UBND xã S, huyện Đ, tỉnh Quảng Nam.

3. Về con chung: Giao cho ông BRúu B trực tiếp nuôi dưỡng BRúu Thị L, sinh ngày 28/7/2009; giao cho bà Zơ Râm Thị X trực tiếp nuôi dưỡng BRúu Thị Bích L, sinh ngày 13/7/2005 và BRúu L, sinh ngày 13/3/2012. Về cấp dưỡng nuôi con, ông B và bà X không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông B, bà X có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở ông bà thực hiện quyền này.

4. Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về nợ chung: Không có.

Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Miễn lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự cho ông BRúu B và bà Zơ Râm Thị X. Trả lại cho ông BRúu B và bà Zơ Râm Thị X số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng lệ phí đã nộp tại biên lai số 007814 ngày 12/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Giang.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày họ nhận được quyết định giải quyết việc dân sự hoặc kể từ ngày quyết định đó được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc dân sự trong

thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng nam có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Đông Giang;
- Chi cục THADS h. Đông Giang;
- UBND xã Sông Kôn, huyện Đông Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN HỌP**

Huỳnh Quang